TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HƯỚNG HOÁ
TỈNH QUẢNG TRỊ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 09/2017/HNGĐ-ST
Ngày 21/7/2017
V/v tranh chấp
"Ly hôn, nuôi con".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HƯỚNG HOÁ, TỈNH QUẢNG TRỊ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Ngọc Huy;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Ngọc Tri;
Bà Hồ Thị Tư.

Thư ký phiên toà: Ông Hoàng Quốc Tùng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hướng Hóa, tỉnh Quảng Trị.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hướng Hóa, tỉnh Quảng Trị tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hải Hòa - Kiểm sát viên.

Ngày 21/7/2017, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân huyện Hướng Hóa, tỉnh Quảng Trị xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 08/2017/TLST-HNGĐ ngày 09/2/2017 về tranh chấp "*Ly hôn, nuôi con sau khi ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 06/6/2017, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Võ Thị T, sinh năm 1975; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn P, xã B, huyện L, tỉnh Quảng Trị; Nơi đăng ký tạm trú: Đường A, khối 2, thị trấn K, huyện H, tỉnh Quảng Trị; Có mặt.

Bị đơn: Anh Hồ Duy H, sinh năm 1972; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn P, xã B, huyện L, tỉnh Quảng Trị; Nơi đăng ký tạm trú: Đường A, khối 2, thị trấn K, huyện H, tỉnh Quảng Trị; Vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 7/02/2017 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Võ Thị T trình bày: Chị Võ Thị T và anh Hồ Duy H đăng ký kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện vào năm 1994 tại Uỷ ban nhân dân xã B, huyện L, tỉnh Quảng Trị. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tình cảm vợ chồng không hợp nhau, thường xuyên bất đồng quan điểm trong cuộc sống, anh H thường xuyên uống rượu không có trách nhiệm chăm lo gia đình. Nay tình cảm vợ chồng đã mâu thuẫn, cuộc sống chung không thể tiếp

tục, không còn hạnh phúc nên chị T yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh H.

Về con chung: Vợ chồng chị T anh H có 04 con chung là: Hồ Duy Q, sinh ngày 24/8/1995 (đã thành niên), Hồ Duy S, sinh ngày 23/02/1997 (đã thành niên), Hồ Thị N, sinh ngày 26/8/2003, Hồ Thị Y, sinh ngày 30/11/2012. Sau khi ly hôn, chị T có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng hai con là Hồ Thị N, Hồ Thị Y và yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 500.000đ/cháu.

Về tài sản chung: Chị Võ Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên hòa giải ngày 13/4/2017, bị đơn anh Hồ Duy H trình bày:

Về tình cảm: Anh Hồ Duy H không đồng ý ly hôn

Về con chung: Nếu vợ chồng phải ly hôn thì anh H đồng ý giao hai con là Hồ Thị N, Hồ Thị Y cho chị T chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh H cấp dưỡng nuôi con trên cơ sở tự nguyện.

Về tài sản chung: Anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử:

Thẩm phán thụ lý vụ án đã tiến hành đầy đủ các bước theo trình tự, thủ tục quy định tại điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự như: Lập hồ sơ vụ án, xác định tư cách đương sự, xác định quan hệ tranh chấp cần giải quyết.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83, 110 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 5, 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; đề nghị Hội đồng xét xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cho chị Võ Thị T được ly hôn anh Hồ Duy H.

Về con chung: Giao các cháu Hồ Thị N, sinh ngày: 26/8/2003; Hồ Thị Y, sinh ngày 30/11/2012 cho chị T nuôi dưỡng, giáo dục. Buộc anh H cấp dưỡng nuôi con 1.000.000 đồng/ tháng/ 2 cháu, kể từ tháng 7/2017 cho đến khi các con thành niên.

Về án phí : Buộc các bên đương sự chịu án sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Chị Võ Thị T yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, nuôi con sau khi ly hôn, Tòa án thụ lý giải quyết là đúng quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc cấp, tống đạt văn bản tố tụng của Tòa án cho đương sự: Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tống đạt hợp lệ cho nguyên đơn, bị đơn gồm Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử nhưng bị đơn anh Hồ Duy H vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai nên Tòa án quyết định xét xử vắng mặt bị đơn theo điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Võ Thị T và anh Hồ Duy H kết hôn với nhau là tự nguyện, đăng ký kết hôn đúng pháp luật. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn tình cảm vợ chồng do anh H uống rượu, bạo lực gia đình. Tại biên bản xác minh ngày 18/5/2017, ông Hoàng Minh Đức (Khối trưởng khối 2 thị trấn Khe Sanh nơi chị T anh H đang sinh sống) cho biết trong quá trình chung sống vợ chồng chị T anh H thường xảy ra xung đột đánh đập nhau mà nguyên nhân do anh H hay uống rượu và tại biên bản ghi ý kiến của cháu Quảng, Sáng là con của chị T anh H đã thành niên cũng cho rằng mâu thuẫn tình cảm vợ chồng do anh H uống rượu đánh đập chị T. Do đó thấy rằng tình cảm vợ chồng chị T anh H đã mâu thuẫn trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T xử cho chị T được ly hôn anh H là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Vợ chồng chị T anh H có 04 con chung là: Hồ Duy Q, sinh ngày 24/8/1995, Hồ Duy S, sinh ngày 23/02/1997, Hồ Thị N, sinh ngày 26/8/2003, Hồ Thị Y, sinh ngày 30/11/2012. Cháu Quảng và Sáng đã thành niên, các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét. Đối với cháu Nhung đã trên 7 tuổi, tại biên bản ghi ý kiến ngày 15/5/2017 thì cháu Nhung có nguyện vọng ở với chị T nếu chị T và anh H ly hôn. Sau khi ly hôn, chị T anh H thỏa thuận giao cháu Nhung và Ý cho chị T chăm sóc, nuôi dưỡng, phù hợp với nguyện vọng của con nên cần chấp nhận.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Chị T yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con số tiền 1.000.000đ/tháng/2con. Xét thấy yêu cầu cấp dưỡng của chị T để nuôi các con là cần thiết, buộc anh H cấp dưỡng nuôi con theo yêu cầu của chị T, thời điểm cấp dưỡng từ tháng 7/2017 cho đến khi các con thành niên.

Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về án phí: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5, 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày

30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì trong vụ án ly hôn nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm nên buộc chị T phải chịu án phí ly hôn và bị đơn anh H phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Áp dụng khoản 1 Điều 28, khoản 4 Điều 147, Điều 235, 266, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 357, 468 của Bộ luật dân sự; Điều 56, Điều 81, Điều 82, 110 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5, 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Võ Thị T.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Võ Thị T được ly hôn anh Hồ Duy H.

Về con chung: Giao cháu Hồ Thị N, sinh ngày 26/8/2003 và Hồ Thị Y, sinh ngày 30/11/2012 cho chị Võ Thị T được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Hồ Duy H phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho chị Võ Thị T số tiền 1.000.000đồng/tháng/2 con (mỗi con số tiền 500.000đồng/tháng), thi hành từ tháng 7/2017 cho đến khi các con thành niên.

Sau khi ly hôn, người không tực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu, bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; nếu không có thỏa thuận thì được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Về án phí: Chị Võ Thị T phải chịu 300.000đồng tiền án phí ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 300.000đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2014/0006838 ngày 09/02/2017 của

Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hướng Hoá, Quảng Trị (Chị Võ Thị T đã nộp đủ). Anh Hồ Duy H phải chịu 300.000đồng tiền án phí cấp dưỡng nuôi con.

2. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (21/7/2017). Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Quảng Trị;
-VKSND H.Hướng Hóa;
-Chi cục THADS H. Hướng Hoá;
-UBND xã B;
-Các đương sự;
-Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Ngọc Huy